

NĂM HỌC : 2015 - 2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	370103	Nông Sầm Thanh	Tâm	3701	15	TCXH1	6.93		81		840 000	840 000	
2	370107	Ngọc Thị Thuỳ	Trang	3701	19	TCXH1	8.06		82	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
3	370110	Hoàng Thị Châu	Loan	3701	21	TCXH1	7.32		81		840 000	840 000	
4	370111	Hoàng Văn	Lai	3701	20	TCXH1	7.06		81		840 000	840 000	
5	370113	Cao Thu	Hương	3701	19	TCXH1	6.92		81		840 000	840 000	
6	370116	Vương Thu	Hạnh	3701	19	TCXH1	7.49		81		840 000	840 000	
7	370117	Nịnh Thị	Vương	3701	19	TCXH1	7.02		81		840 000	840 000	
8	370118	Nguyễn Thị	Thuý	3701	19		8.31		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	370120	Hạng A	Ly	3701	20	TCXH1	7.03		81		840 000	840 000	
10	370121	Hứa Thị	Yến	3701	20	TCXH1	7.92		81		840 000	840 000	
11	370122	Cứ A	Dơ	3701	17	TCXH1	7.01		81		840 000	840 000	
12	370124	Hứa Thị	Hường	3701	17	TCXH1	7.49		76		840 000	840 000	
13	370141	Khuất Cao	Minh	3701	16		8.28		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
14	370145	Nguyễn Lý Việt	Hà	3701	17	TCXH1	7.55		91		840 000	840 000	
15	370148	La Thị Việt	Trinh	3701	19	TCXH1	7.05		87		840 000	840 000	
16	370170	Mai Mỹ	Linh	3701	17		8.41		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
17	370173	Nguyễn Thị Thu	Hưởng	3701	16		8.14		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
18	370201	Lâm Thị Trâm	Anh	3702	19	TCXH1	8.42		81	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
19	370202	Đinh Thị	Uyên	3702	15		8.25		79	1 750 000		1 750 000	Khá
20	370203	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	3702	24	TCXH1	7.76		73		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	370204	Lương Thị	Lan	3702	14		8.12		71	1 750 000		1 750 000	Khá
22	370205	Dương Thị	Lê	3702	14	TCXH1	7.76		79		840 000	840 000	
23	370206	Lục Thị	Lý	3702	19	TCXH1	8.01		79	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
24	370207	Nguyễn Thị	Lan	3702	21	TCXH1	7.10		78		840 000	840 000	
25	370213	Phạm Thị	Thúy	3702	15	TCXH1	6.76		74		840 000	840 000	
26	370223	Linh Thị	Hoàn	3702	16	TCXH1	7.78		77		840 000	840 000	
27	370224	Thào A	Láu	3702	16	TCXH1	5.08	1	70		840 000	840 000	
28	370225	Vi Thị	Hương	3702	17	TCXH1	6.66	1	75		840 000	840 000	
29	370233	Đặng Quang	Anh	3702	19		8.38		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
30	370239	Bế Văn	Nam	3702	20	TCXH1	6.99		77		840 000	840 000	
31	370243	Triệu Thị	Thảo	3702	20	TCXH1	8.00		82	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
32	370245	Bàn Thị Việt	Hương	3702	17	TCXH1	7.59		82		840 000	840 000	
33	370248	Lộc Thế	Anh	3702	17	TCXH1	7.14		81		840 000	840 000	
34	370254	Trịnh Thị	Hậu	3702	22		8.05		77	1 750 000		1 750 000	Khá
35	370305	Dương Thị	Quyên	3703	14	TCXH1	6.49	1	82		840 000	840 000	
36	370306	Chúc Thị Khánh	Linh	3703	18	TCXH1	7.31		83		840 000	840 000	
37	370308	Ma Kim	Thúy	3703	21	TCXH1	7.58		74		840 000	840 000	
38	370310	Triệu Minh	Thu	3703	14	TCXH1	4.69	3	70		840 000	840 000	
39	370313	Phùng Thị	Thương	3703	15	TCXH1	7.28		85		840 000	840 000	
40	370314	Trần Thị	Nhân	3703	20	TCXH1	7.75		76		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	370319	Phạm Thị	Phương	3703	18	TCXH1	7.51		76		840 000	840 000	
42	370322	Bế Thanh	Thuỷ	3703	22	TCXH1	7.06		75		840 000	840 000	
43	370323	Âu Thị	Điệp	3703	20	TCXH1	7.41		73		840 000	840 000	
44	370324	Nguyễn Thị	Lan	3703	15		8.17		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
45	370332	Nguyễn Thanh	Hằng	3703	16		8.29		74	1 750 000		1 750 000	Khá
46	370337	Đàm Thị	Trang	3703	16	TCXH1	7.53		83		840 000	840 000	
47	370341	Phan Thị Thùy	Dương	3703	14		8.17		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
48	370342	Vi Thị Thuỳ	Dung	3703	18	TCXH1	6.24	1	72		840 000	840 000	
49	370344	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3703	14		8.09		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
50	370358	Nguyễn Thị Thu	Hằng	3703	14		8.39		74	1 750 000		1 750 000	Khá
51	370364	Nguyễn Thị	Chung	3703	16		8.10		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
52	370366	Trần Thị Thu	Huyền	3703	17		8.07		74	1 750 000		1 750 000	Khá
53	370404	Dương Thiên	Lý	3704	15	TCXH1	7.67		83		840 000	840 000	
54	370407	Hà Thị Thu	Thuỷ	3704	21	TCXH1	7.80		84		840 000	840 000	
55	370408	Nông Thị	Hằng	3704	17	TCXH1	7.73		83		840 000	840 000	
56	370416	Là Thị	Lanh	3704	21	TCXH1	7.17		83		840 000	840 000	
57	370418	Lý Thị	Hạnh	3704	20	TCXH1	6.00	1	75		840 000	840 000	
58	370425	Vi Thị	Lan	3704	16	TCXH1	7.41		83		840 000	840 000	
59	370447	Chu Thị	Duyên	3704	19	TCXH1	8.16		84	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
60	370450	Trịnh Thị Hồng	Liên	3704	16		8.03		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	370459	Phạm Thị Thu	Hà	3704	18		8.02		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
62	370468	Nguyễn Thị Mai	Linh	3704	14		8.44		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
63	370476	Đặng Thuỳ	Dương	3704	15		8.37		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
64	370501	La Thị	Vân	3705	22	TCXH1	7.01		73		840 000	840 000	
65	370503	Nguyễn Văn	Hoàng	3705	14		8.14		73	1 750 000		1 750 000	Khá
66	370504	Nguyễn Thị	Mai	3705	19	TCXH1	4.97	2	71		840 000	840 000	
67	370511	Nguyễn Thu	Trà	3705	18		8.03		73	1 750 000		1 750 000	Khá
68	370514	Nguyễn Thị	Thủy	3705	22		8.11		72	1 750 000		1 750 000	Khá
69	370516	Tráng Thị	Diện	3705	20	TCXH1	6.30	1	72		840 000	840 000	
70	370517	Nguyễn Văn	Trung	3705	20		8.11		73	1 750 000		1 750 000	Khá
71	370520	Vũ Thị	Mơ	3705	19		8.01		73	1 750 000		1 750 000	Khá
72	370524	Dương Thị Hồng	Mến	3705	20	TCXH1	7.46		73		840 000	840 000	
73	370560	Lê Thị	Linh	3705	15		8.09		73	1 750 000		1 750 000	Khá
74	370601	Hoàng Hương	Giang	3706	21	TCXH1	7.15		82		840 000	840 000	
75	370603	Bùi Thị	Ngọc	3706	19	TCXH1	7.57		79		840 000	840 000	
76	370609	Hoàng Thị	Trường	3706	19	TCXH1	6.74	1	53		840 000	840 000	
77	370616	Lo Văn	Dương	3706	20	TCXH1	8.12		79	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
78	370618	Vì Thị	Nguyên	3706	19	TCXH1	7.08		78		840 000	840 000	
79	370621	Lò Thị	Thu	3706	15	TCXH1	7.49		78		840 000	840 000	
80	370626	Vũ Thị Hồng	Nhật	3706	20		8.08		79	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
81	370631	Hoàng Thương	Hà	3706	22	TCXH1	7.66		79		840 000	840 000	
82	370643	Sầm Thị	Huyền	3706	17	TCXH1	7.65		78		840 000	840 000	
83	370644	Trần Thị	Hương	3706	16	TCXH1	7.99		79		840 000	840 000	
84	370647	Nguyễn Ngọc	Hà	3706	22		8.12		79	1 750 000		1 750 000	Khá
85	370655	Ngô Thị Thảo	Phương	3706	19		8.22		79	1 750 000		1 750 000	Khá
86	370701	Lự Văn	Hùng	3707	20	TCXH1	7.64		80		840 000	840 000	
87	370704	Hà Thị	Huyền	3707	17	TCXH1	7.29		80		840 000	840 000	
88	370710	Phan Thị	Độ	3707	17	TCXH1	8.35		80	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
89	370714	Phạm Thị	Mai	3707	19		8.04		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
90	370716	Dương Văn	Anh	3707	23	TCXH1	7.25		80		840 000	840 000	
91	370719	Sùng Lành	Lưu	3707	18	TCXH1	6.77		80		840 000	840 000	
92	370720	Nguyễn Văn	Trình	3707	14	TCXH1	5.10	2	73		840 000	840 000	
93	370721	Hoàng Thị	Pỉ	3707	20	TCXH1	7.31		80		840 000	840 000	
94	370722	Sùng A	Su	3707	19	TCXH1	7.01		80		840 000	840 000	
95	370723	Mùa Thị	Ly	3707	19	TCXH1	7.44		80		840 000	840 000	
96	370737	Hồ A	Lang	3707	18	TCXH1	7.23		80		840 000	840 000	
97	370739	Lữ Thị	Thương	3707	21	TCXH1	6.98		79		840 000	840 000	
98	370740	Lý Thị	Phương	3707	20	TCXH1	7.55		80		840 000	840 000	
99	370741	Khà Thị Thanh	Loan	3707	14	TCXH1	7.75		80		840 000	840 000	
100	370749	Lê Thị Hoài	Trang	3707	20		8.13		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
101	370756	Nguyễn Thị	Huế	3707	16		8.30		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
102	370801	Dương Thị Châu	Loan	3708	16	TCXH1	7.56		84		840 000	840 000	
103	370803	Nguyễn Thanh	Tùng	3708	18		8.14		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
104	370804	Nguyễn Mai	Hương	3708	16	TCXH1	7.46		80		840 000	840 000	
105	370809	Triệu Tồn	Chàn	3708	19	TCXH1	7.16		80		840 000	840 000	
106	370816	Triệu Thị	Yên	3708	21	TCXH1	6.52		79		840 000	840 000	
107	370819	Cầm Thị	Thúy	3708	14	TCXH1	5.34	1	78		840 000	840 000	
108	370820	Phàng A	Sử	3708	15	TCXH1	6.81		80		840 000	840 000	
109	370822	Trương Văn	Băng	3708	16	TCXH1	5.76	2	79		840 000	840 000	
110	370835	Quách Vũ Ngọc	Hà	3708	22		8.09		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
111	370840	Cao Văn	Đức	3708	20	TCXH1	7.01		80		840 000	840 000	
112	370846	Nguyễn Phương	Thảo	3708	15		8.56		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
113	370856	Tưởng Thị	Tươi	3708	19		8.08		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
114	370863	Đỗ Thị	Thơm	3708	14		8.21		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
115	370871	Nguyễn Bình	An	3708	19		8.09		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
116	370872	Phạm Thị Hà	My	3708	14		8.04		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
117	370907	Dương Mỹ	Tho	3709	21		8.00		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
118	370908	Đàm Thị	Tiếp	3709	15	TCXH1	7.66		85		840 000	840 000	
119	370916	Ma Thị	Huệ	3709	22	TCXH1	7.15		80		840 000	840 000	
120	370917	Lê Thị	Vui	3709	20	TCXH1	7.68		85		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
121	370922	Nguyễn Huyền	My	3709	18		8.39		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
122	370925	Nguyễn Thị	Hạnh	3709	16		8.24		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
123	370930	Lư Kế	Trường	3709	19		8.05		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
124	370941	Mai Quốc	Huy	3709	20		8.33		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
125	370959	Tạ Thị Thuỳ	Dương	3709	18		8.24		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
126	371001	Hoàng Thị	Hương	3710	20	TCXH1	6.70	1	80		840 000	840 000	
127	371006	Hoàng Văn	Tuân	3710	18	TCXH1	6.78		80		840 000	840 000	
128	371007	Trần Thị Hoàng	Yến	3710	15		8.06		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
129	371009	Triệu Thị	Lý	3710	15	TCXH1	5.08	2	79		840 000	840 000	
130	371010	Nguyễn Hồng	Hải	3710	15		8.03		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
131	371023	Tạ Thị	Hương	3710	15	TCXH1	7.54		81		840 000	840 000	
132	371026	Lương Thị Lan	Hương	3710	16		8.32		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
133	371039	Lê Thị	Thảo	3710	19	TCXH1	6.14	1	79		840 000	840 000	
134	371054	Nguyễn Như	Quỳnh	3710	18		8.04		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
135	371063	Đỗ Thị	Hồng	3710	16		8.01		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
136	371065	Nguyễn Thị	Hằng	3710	20		8.28		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
137	371066	Hoàng Thị	Lan	3710	17		8.18		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
138	371108	Lộc Thị ánh	Huyền	3711	17	TCXH1	7.25		80		840 000	840 000	
139	371110	Nguyễn Thị Bích	Vân	3711	18		8.48		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
140	371111	Hoàng Thị	Phượng	3711	20	TCXH1	7.65		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
141	371114	Sùng A	Súa	3711	23	TCXH1	6.65		80		840 000	840 000	
142	371116	Hoàng Ngọc	Thái	3711	15	TCXH1	7.77		82		840 000	840 000	
143	371119	Hoàng Thị	Thắm	3711	19	TCXH1	7.25		80		840 000	840 000	
144	371120	Đình Thảo	Liên	3711	17		8.05		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
145	371121	Sùng Thị	Mai	3711	19	TCXH1	6.92		80		840 000	840 000	
146	371122	Đặng Thị Ngọc	ánh	3711	16		8.04		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
147	371123	Trần Thị	Mai	3711	17		8.33		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
148	371130	Khuất Thị	Hường	3711	17		8.03		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
149	371132	Bùi Thị	Luyến	3711	22		8.10		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
150	371143	Trần Thị	Hiền	3711	20	TCXH1	7.03		81		840 000	840 000	
151	371145	Lê Thị	Thoa	3711	20	TCXH1	5.46	1	79		840 000	840 000	
152	371146	Bùi Thị	Châu	3711	18	TCXH1	6.98		81		840 000	840 000	
153	371148	Mai Thị	Hoa	3711	15		8.45		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
154	371172	Phùng Mai	Anh	3711	15		8.23		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
155	371177	Đàm Thị	Hà	3711	20	TCXH1	7.67		82		840 000	840 000	
156	371203	Dương Thị Thanh	Bình	3712	20	TCXH1	7.73		82		840 000	840 000	
157	371208	Hoàng Thanh	Hoài	3712	19	TCXH1	7.66		84		840 000	840 000	
158	371209	Hứa Thị	Liễu	3712	15	TCXH1	6.88		83		840 000	840 000	
159	371211	Bùi Khánh	Huyền	3712	19		8.07		76	1 750 000		1 750 000	Khá
160	371220	Vàng Thị	Hạnh	3712	17	TCXH1	6.65		74		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
161	371223	Vàng A	Lữ	3712	17	TCXH1	7.05		75		840 000	840 000	
162	371228	Trần Bích	Ngọc	3712	17		8.19		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
163	371232	Trịnh Thị Thuỳ	Dương	3712	16		8.63		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
164	371237	Phạm Huyền	Trang	3712	16		8.17		78	1 750 000		1 750 000	Khá
165	371241	Lữ Thị	Thuỷ	3712	16	TCXH1	7.41		75		840 000	840 000	
166	371243	Phan Thị	Uyên	3712	11	TCXH1	7.02		75		840 000	840 000	
167	371245	Lý Thị	Xuân	3712	14	TCXH1	7.76		76		840 000	840 000	
168	371246	Nông Thị Khánh	Hoà	3712	15	TCXH1	7.74		78		840 000	840 000	
169	371251	Lê Thị	Trang	3712	15		8.61		78	1 750 000		1 750 000	Khá
170	371252	Nguyễn Thanh	Quý	3712	14		8.48		78	1 750 000		1 750 000	Khá
171	371269	Nguyễn Hồng	Đào	3712	18		8.01		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
172	371303	Nông Thị	Trang	3713	19	TCXH1	7.83		77		840 000	840 000	
173	371309	Lê Thị	Bích	3713	15	TCXH1	7.49		77		840 000	840 000	
174	371311	Hoàng Thị Mai	Hiên	3713	16	TCXH1	5.86	1	75		840 000	840 000	
175	371312	Triệu Thị	Lan	3713	20	TCXH1	6.59	1	76		840 000	840 000	
176	371314	Lầu A	Tủa	3713	16	TCXH1	5.74	1	74		840 000	840 000	
177	371315	Triệu Thị	Xuân	3713	20	TCXH1	5.66	1	74		840 000	840 000	
178	371316	Hoàng Thị	Hạnh	3713	20	TCXH1	7.18		76		840 000	840 000	
179	371321	Sùng A	Súa	3713	18	TCXH1	7.29		76		840 000	840 000	
180	371322	Lê Thị	Hoa	3713	22		8.07		77	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
181	371335	Đỗ Thị	Nga	3713	18		8.32		77	1 750 000		1 750 000	Khá
182	371338	Trần Thị Nhật	Minh	3713	20		8.08		77	1 750 000		1 750 000	Khá
183	371341	Đỗ Thị	Thảo	3713	20		8.07		77	1 750 000		1 750 000	Khá
184	371345	Vì Thị	Hương	3713	14	TCXH1	4.42	3	73		840 000	840 000	
185	371353	Trần Thị Hồng	Nhung	3713	21		8.20		77	1 750 000		1 750 000	Khá
186	371366	Đinh Thị Thu	Uyên	3713	14		8.02		77	1 750 000		1 750 000	Khá
187	371401	Trần Thanh	Thùy	3714	17		8.02		76	1 750 000		1 750 000	Khá
188	371402	Phạm Ngọc	Toản	3714	15		8.30		75	1 750 000		1 750 000	Khá
189	371403	Mông Thị	Vượng	3714	19	TCXH1	7.91		76		840 000	840 000	
190	371407	Chu Xé	Cà	3714	17		8.35		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
191	371410	Đàm Thị	Khuyên	3714	15	TCXH1	7.75		76		840 000	840 000	
192	371415	Lộc Thị	Lại	3714	16	TCXH1	6.96		76		840 000	840 000	
193	371416	Hoàng Thị Minh	Trang	3714	18	TCXH1	7.62		76		840 000	840 000	
194	371420	Chu Thị	Diên	3714	20	TCXH1	8.07		76	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
195	371423	Tần Thị	Dua	3714	17	TCXH1	7.39		75		840 000	840 000	
196	371431	Lê Nhật	Quang	3714	14		8.14		76	1 750 000		1 750 000	Khá
197	371452	Vũ Bình	An	3714	18		8.36		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
198	371458	Vũ Thị	Liên	3714	14		8.24		76	1 750 000		1 750 000	Khá
199	371475	Nguyễn Quỳnh	Anh	3714	14		8.19		76	1 750 000		1 750 000	Khá
200	371501	Nông Bích	Thu	3715	18	TCXH1	7.13		78		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
201	371505	Nguyễn Thị Phương	Thúy	3715	17		8.12		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
202	371506	Đàm Văn	Linh	3715	19	TCXH1	7.31		76		840 000	840 000	
203	371511	Bùi Thị	Minh	3715	18	TCXH1	7.66		78		840 000	840 000	
204	371516	Đỗ Thị	Hoa	3715	21	TCXH1	7.66		78		840 000	840 000	
205	371518	Vương Thị	Dung	3715	17	TCXH1	7.59		76		840 000	840 000	
206	371520	Giàng Minh	Lúa	3715	18	TCXH1	7.17		75		840 000	840 000	
207	371521	Lò Thị	Dân	3715	17	TCXH1	7.35		77		840 000	840 000	
208	371522	Sần Seo	Xiền	3715	16	TCXH1	7.42		76		840 000	840 000	
209	371537	Vy Thị	Lan	3715	17	TCXH1	7.24		77		840 000	840 000	
210	371543	Lý Văn	Thông	3715	13	TCXH1	6.01	1	74		840 000	840 000	
211	371544	Nguyễn Diệu	Linh	3715	18		8.53		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
212	371547	Lương Quốc	Kiều	3715	16	TCXH1	7.03		77		840 000	840 000	
213	371602	La Nông	Dương	3716	20	TCXH1	7.22		78		840 000	840 000	
214	371605	Lương Thị Ngọc	Oanh	3716	18		8.10		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
215	371606	Nguyễn Thị	Thảo	3716	18	TCXH1	7.05		72		840 000	840 000	
216	371610	Lò Thị	Thảo	3716	22	TCXH1	7.53		71		840 000	840 000	
217	371611	Lục Thị	Hồng	3716	20	TCXH1	7.69		78		840 000	840 000	
218	371616	Nguyễn Thị Thanh	Nga	3716	15		8.03		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
219	371619	Nguyễn Thị	Duyệt	3716	22	TCXH1	7.48		78		840 000	840 000	
220	371620	Sông Lao	Vụ	3716	20	TCXH1	6.55		75		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
221	371621	Nguyễn Thị Hồng	Thiệp	3716	16		8.00		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
222	371624	Trần Văn	Dũng	3716	14		8.04		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
223	371643	Hà Thị	Dậu	3716	20	TCXH1	7.58		77		840 000	840 000	
224	371644	Lý Thị	Thơ	3716	19	TCXH1	7.41		78		840 000	840 000	
225	371648	Trương Thị	Nga	3716	18	TCXH1	7.61		78		840 000	840 000	
226	371654	Từ Thị Thanh	Ngọc	3716	17		8.08		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
227	371666	Đặng Thị	Tấm	3716	17		8.08		811	2 000 000		2 000 000	Giỏi
228	371674	Đinh Thị Ngọc	Huyền	3716	20		8.28		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
229	371712	Hoàng Thu	Hà	3717	20	TCXH1	7.34		76		840 000	840 000	
230	371714	Bùi Hồng	Hạnh	3717	18	TCXH1	7.78		77		840 000	840 000	
231	371715	Dương Thị Hà	Phương	3717	19		8.27		77	1 750 000		1 750 000	Khá
232	371719	Trần Thị	Huyền	3717	15	TCXH1	7.34		76		840 000	840 000	
233	371726	Phạm Trung	Hiếu	3717	16		8.19		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
234	371732	Phạm Thị Hải	Yến	3717	22		8.20		77	1 750 000		1 750 000	Khá
235	371745	Nguyễn Văn	Bình	3717	19	TCXH1	7.79		77		840 000	840 000	
236	371748	Lương Thanh	Tú	3717	18	TCXH1	7.42		77		840 000	840 000	
237	371759	Ngô Thị	Hồng	3717	15		8.21		77	1 750 000		1 750 000	Khá
238	371764	Nguyễn Thị	Trang	3717	19		8.02		76	1 750 000		1 750 000	Khá
239	371765	Nguyễn Thanh	Phương	3717	14		8.19		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
240	371801	Lãnh Thị	Hằng	3718	17	TCXH1	7.82		80		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
241	371802	Nông Thị	Tâm	3718	22	TCXH1	7.84		82		840 000	840 000	
242	371805	Ma Thị	Thảo	3718	19	TCXH1	7.29		79		840 000	840 000	
243	371806	Nguyễn Thị	Linh	3718	21	TCXH1	7.33		77		840 000	840 000	
244	371810	Bạc Thị	Hưởng	3718	17	TCXH1	7.40		79		840 000	840 000	
245	371816	Nông Thị	Cần	3718	17	TCXH1	7.35		76		840 000	840 000	
246	371818	Vì Thị	Linh	3718	18	TCXH1	7.11		83		840 000	840 000	
247	371819	Đặng Thị	Lúu	3718	21	TCXH1	7.55		76		840 000	840 000	
248	371821	Tần Xa	Ngọc	3718	19	TCXH1	6.85		77		840 000	840 000	
249	371822	Giàng A	Di	3718	22	TCXH1	6.95		77		840 000	840 000	
250	371823	Lý Văn	Tám	3718	20	TCXH1	7.26		77		840 000	840 000	
251	371825	Hoàng Diệu	Thùy	3718	22		8.04		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
252	371837	Len Thị	Phương	3718	19	TCXH1	7.77		78		840 000	840 000	
253	371847	Hoàng Thị Thùy	Linh	3718	15	TCXH1	8.01		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
254	371848	Hoàng Thị	Năm	3718	19	TCXH1	6.96		77		840 000	840 000	
255	371902	Vũ Thị	Lan	3719	18	TCXH1	7.93		78		840 000	840 000	
256	371903	Lò Diệu	Thu	3719	21	TCXH1	7.34		77		840 000	840 000	
257	371906	Nông Thị	Yến	3719	21	TCXH1	7.27		77		840 000	840 000	
258	371913	Hà Thị	Thông	3719	17	TCXH1	7.84		78		840 000	840 000	
259	371916	Võ Thị	Hoài	3719	15		8.04		78	1 750 000		1 750 000	Khá
260	371918	Cao Thị	Thủy	3719	19	TCXH1	6.53	1	76		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
261	371919	Hoàng Thị ánh	3719	19	TCXH1	6.06	1	76		840 000	840 000	
262	371922	Nông Thị Thế	3719	20	TCXH1	7.26		77		840 000	840 000	
263	371924	Lê Sỹ Anh	3719	14	TCXH2	6.83	1	77		600 000	600 000	
264	371929	Nguyễn Thuỳ Lâm	3719	20		8.14		78	1 750 000		1 750 000	Khá
265	371947	Nguyễn Thị Tố Linh	3719	18	TCXH1	7.45		78		840 000	840 000	
266	371954	Trần Thị Thu Hằng	3719	16		8.13		78	1 750 000		1 750 000	Khá
267	371963	Cao Thị Lan	3719	21		8.09		78	1 750 000		1 750 000	Khá
268	371969	Nguyễn Thị Tình	3719	14		8.06		78	1 750 000		1 750 000	Khá
269	371971	Lê Thị Vân Anh	3719	14		8.38		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
270	371976	Phạm Thanh Bình	3719	14		8.27		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
271	372005	Vì Thị Miên	3720	18	TCXH1	7.79		78		840 000	840 000	
272	372006	Đào Ngọc ánh	3720	18		8.04		78	1 750 000		1 750 000	Khá
273	372010	Bùi Thị Ngọc Hà	3720	20	TCXH1	7.31		77		840 000	840 000	
274	372012	Hoàng Anh Thái	3720	16	TCXH1	7.43		78		840 000	840 000	
275	372014	Doãn Khánh Linh	3720	14		8.01		78	1 750 000		1 750 000	Khá
276	372016	Hoàng Thị Kim Duyên	3720	16	TCXH1	8.21		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
277	372020	Lý Thị Diễm	3720	16	TCXH1	7.77		78		840 000	840 000	
278	372023	Lường Văn Dận	3720	14	TCXH1	6.21		76		840 000	840 000	
279	372041	Nguyễn Thị Thuỳ	3720	18		8.02		78	1 750 000		1 750 000	Khá
280	372043	Giàng Thị Ninh	3720	18	TCXH1	7.11		77		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
281	372044	Nguyễn Bích	Ngọc	3720	15		8.05		78	1 750 000		1 750 000	Khá
282	372048	Ma Huyền	Trang	3720	19	TCXH1	6.47	1	76		840 000	840 000	
283	380101	Quách Thu	Hằng	3801	19	TCXH1	7.57		80		840 000	840 000	
284	380103	Ma Thị	Thanh	3801	20	TCXH1	7.62		67		840 000	840 000	
285	380107	Vy Thị Mỹ	Duyên	3801	19		7.95		94	1 750 000		1 750 000	Khá
286	380109	Mai Thị Ngọc	Bảo	3801	20		8.44		73	1 750 000		1 750 000	Khá
287	380110	Vi Thị	Oanh	3801	20		8.00		76	1 750 000		1 750 000	Khá
288	380112	Nguyễn Thị	Minh	3801	19		7.89		83	1 750 000		1 750 000	Khá
289	380114	Đinh Ngọc	ánh	3801	19		8.17		77	1 750 000		1 750 000	Khá
290	380117	Hà Tố	Uyên	3801	20		7.80		73	1 750 000		1 750 000	Khá
291	380118	Trần Thị Lưu	Ly	3801	18		8.14		78	1 750 000		1 750 000	Khá
292	380122	Phạm Văn	Thuận	3801	20		8.29		91	2 000 000		2 000 000	Giỏi
293	380123	Triệu Thị	Trang	3801	18	TCXH1	7.86		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
294	380124	Trần Thị	Hà	3801	19		7.87		84	1 750 000		1 750 000	Khá
295	380125	Trần Thị	Nga	3801	20	TCXH1	7.37		76		840 000	840 000	
296	380127	Nguyễn Thị	Hoa	3801	20		7.96		80	1 750 000		1 750 000	Khá
297	380128	Trịnh Thị	Thương	3801	16		7.83		75	1 750 000		1 750 000	Khá
298	380129	Tạ Thị Ngọc	Hiệp	3801	20		8.21		77	1 750 000		1 750 000	Khá
299	380130	Nguyễn Văn	Hiếu	3801	19		8.04		90	2 000 000		2 000 000	Giỏi
300	380131	Trần Thị Phương	Thảo	3801	16		8.20		76	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
301	380137	Hà Thị Thuỳ	Linh	3801	19		8.30		73	1 750 000		1 750 000	Khá
302	380140	Nguyễn Thuỷ	Hồng	3801	16		7.84		94	1 750 000		1 750 000	Khá
303	380146	Phạm Hồng	Đức	3801	20		7.95		94	1 750 000		1 750 000	Khá
304	380155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	3801	20		7.98		92	1 750 000		1 750 000	Khá
305	380156	Ma Thị Khánh	Linh	3801	19		7.81		86	1 750 000		1 750 000	Khá
306	380157	Bùi Thị Thuỷ	Tiên	3801	19		7.83		79	1 750 000		1 750 000	Khá
307	380170	Nguyễn Ngọc	Hải	3801	19		8.04		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
308	380201	Đỗ Thị	Ngọc	3802	20		8.05		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
309	380202	Đàm Nhật	Lệ	3802	20	TCXH1	8.41		85	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
310	380205	Trương Thị Hồng	Thắm	3802	16		7.91		86	1 750 000		1 750 000	Khá
311	380206	Hoàng Thị Vân	Anh	3802	18		8.33		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
312	380207	Đỗ Văn	Mạnh	3802	20		7.86		85	1 750 000		1 750 000	Khá
313	380208	Vi Thị Mỹ	Huyền	3802	16	TCXH1	8.14		87	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
314	380211	Triệu Thị	Hiền	3802	20	TCXH1	7.34		83		840 000	840 000	
315	380215	Ma Thị	Phượng	3802	16	TCXH1	7.42		82		840 000	840 000	
316	380216	Dương Thị	Huệ	3802	20	TCXH1	7.40		80		840 000	840 000	
317	380217	Phạm Thị	Mai	3802	20	TCXH1	7.54		69		840 000	840 000	
318	380218	Hoàng Thị	Hằng	3802	18	TCXH1	7.30		86		840 000	840 000	
319	380219	Hà Thị	Dỹ	3802	16	TCXH1	7.21		84		840 000	840 000	
320	380228	Lê Thị	Lan	3802	19		7.81		85	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
321	380233	Phạm Thị Hồng	Nhung	3802	20		8.18		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
322	380236	Trần Thị	Nhung	3802	18		8.46		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
323	380245	Phan Huyền	Trang	3802	19		8.08		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
324	380252	Ngô Thị	Ngọc	3802	16		7.95		89	1 750 000		1 750 000	Khá
325	380254	Nguyễn Phương	Uyên	3802	18		7.96		89	1 750 000		1 750 000	Khá
326	380257	Hoàng Văn	Văn	3802	16	TCXH1	7.08		81		840 000	840 000	
327	380261	Đỗ Hương	Linh	3802	19		7.94		89	1 750 000		1 750 000	Khá
328	380263	Hà Lan	Nhi	3802	20		7.88		86	1 750 000		1 750 000	Khá
329	380264	Khà Thị Hoài	Thương	3802	7	TCXH1		2	V		840 000	840 000	
330	380265	Lương Văn	Tùng	3802	16	TCXH1	7.03		87		840 000	840 000	
331	380308	Vũ Thị Ngọc	Huyền	3803	20		7.93		81	1 750 000		1 750 000	Khá
332	380312	Quan Thị	Hiếu	3803	20	TCXH1	7.55		81		840 000	840 000	
333	380326	Nguyễn Thị	Hương	3803	20		8.11		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
334	380406	Vi Đức	Giang	3804	16	TCXH1	6.16		80		840 000	840 000	
335	380407	Vũ Thị Ngọc	Mai	3804	20		7.89		87	1 750 000		1 750 000	Khá
336	380408	Trương Mai	Sơn	3804	16	TCXH1	7.79		89		840 000	840 000	
337	380409	Lò Văn	Hặc	3804	16	TCXH1	7.32		72		840 000	840 000	
338	380413	Lương Thị	Minh	3804	16	TCXH1	7.36		84		840 000	840 000	
339	380418	Đinh Thị Phương	Thảo	3804	20	TCXH1	7.93		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
340	380421	Nguyễn Thanh	Hà	3804	20		7.82		81	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
341	380428	Vì Thị	Dénh	3804	20	TCXH1	7.34		82		840 000	840 000	
342	380430	Nông Thị	Khoa	3804	20	TCXH1	7.17		70		840 000	840 000	
343	380431	Phàn A	Thương	3804	20		8.02		75	1 750 000		1 750 000	Khá
344	380448	Phạm Thu	Hoài	3804	16		7.97		82	1 750 000		1 750 000	Khá
345	380452	Trần Thị Ngọc	Trang	3804	16		7.83		80	1 750 000		1 750 000	Khá
346	380454	Hoàng Diệu	Linh	3804	16		7.81		80	1 750 000		1 750 000	Khá
347	380465	Bùi Thị	Huê	3804	16	TCXH1	7.11		79		840 000	840 000	
348	380503	Mã Thị Khánh	Phượng	3805	16	TCXH1	6.73		52		840 000	840 000	
349	380504	Hứa Văn	Linh	3805	20	TCXH1	7.10		65		840 000	840 000	
350	380505	Nguyễn Thị	Hậu	3805	16		7.88		66	1 750 000		1 750 000	Khá
351	380516	Nông Thị Thanh	Thuỷ	3805	18	TCXH1	7.34		67		840 000	840 000	
352	380517	Vũ Thị Hồng	Nhung	3805	16		8.03		65	1 750 000		1 750 000	Khá
353	380523	Nguyễn Thị	Tươi	3805	20		8.04		69	1 750 000		1 750 000	Khá
354	380526	Nguyễn Thị Phương	Liên	3805	20		8.00		75	1 750 000		1 750 000	Khá
355	380528	Lại Thị	Trinh	3805	20		7.87		69	1 750 000		1 750 000	Khá
356	380531	Cứ A	Phừ	3805	23	TCXH1	5.87		64		840 000	840 000	
357	380536	Nguyễn Thị	Thuân	3805	20		8.05		65	1 750 000		1 750 000	Khá
358	380540	Vũ Hà	My	3805	19		7.88		81	1 750 000		1 750 000	Khá
359	380550	Nguyễn Thị	Lan	3805	20		7.85		78	1 750 000		1 750 000	Khá
360	380554	Hoàng Thị	Khoan	3805	20	TCXH1	8.10		81	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
361	380555	Triệu Thị	Ngoan	3805	20	TCXH1	7.65		71		840 000	840 000	
362	380556	Đình Khánh	Linh	3805	18		7.91		81	1 750 000		1 750 000	Khá
363	380558	Nguyễn Thị Kim	Thoa	3805	20		7.87		71	1 750 000		1 750 000	Khá
364	380566	Nghiêm Thị Ngọc	Anh	3805	20		7.88		81	1 750 000		1 750 000	Khá
365	380568	Phạm Thị Hồng	Nhung	3805	20		7.97		69	1 750 000		1 750 000	Khá
366	380602	Nguyễn Thị	Linh	3806	20		7.84		80	1 750 000		1 750 000	Khá
367	380607	Lục Thị Thanh	Hải	3806	16	TCXH1	7.16		72		840 000	840 000	
368	380611	Vũ Thị	Nga	3806	19		7.83		70	1 750 000		1 750 000	Khá
369	380618	Nguyễn Thị Lệ	Giang	3806	16	TCXH1	7.11		83		840 000	840 000	
370	380621	Đường Thị	Hương	3806	20		7.94		71	1 750 000		1 750 000	Khá
371	380631	Hoàng Văn	Hành	3806	20	TCXH1	7.24		74		840 000	840 000	
372	380633	Hoàng Thu	Hà	3806	20	TCXH1	6.29		74		840 000	840 000	
373	380643	Nguyễn Thị Mai	Anh	3806	20		7.85		82	1 750 000		1 750 000	Khá
374	380657	Nguyễn Chí	Hiếu	3806	20		7.84		87	1 750 000		1 750 000	Khá
375	380707	Giàng Thị	Tăng	3807	20	TCXH1	6.94		76		840 000	840 000	
376	380711	Triệu Thị	Vinh	3807	19	TCXH1	6.97		74		840 000	840 000	
377	380713	Hoàng Thị Minh	Thư	3807	19	TCXH1	6.93		80		840 000	840 000	
378	380714	Nguyễn Duy	Bình	3807	19	TCXH1	7.82		75	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
379	380717	Hà Thị Thu	Thủy	3807	19	TCXH1	6.54		77		840 000	840 000	
380	380718	Lương Thị ánh	Loan	3807	20	TCXH1	7.36		81		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
381	380731	Lý Y	Long	3807	16	TCXH1	6.47		71		840 000	840 000	
382	380736	Ngân Thị Diệu	Linh	3807	18	TCXH1	7.47		72		840 000	840 000	
383	380740	Nguyễn Hữu	Anh	3807	19		7.94		81	1 750 000		1 750 000	Khá
384	380743	Tân Thị Thu	Trang	3807	19	TCXH1	6.71		73		840 000	840 000	
385	380751	Nguyễn Duy	Anh	3807	16		8.19		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
386	380760	Nguyễn Thị Hà	Bắc	3807	20	TCXH1	6.65		75		840 000	840 000	
387	380762	Sa Thị Mỹ	Hạnh	3807	20	TCXH1	7.84		75	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
388	380763	Triệu Thị	Duyên	3807	7	TCXH1		2			840 000	840 000	
389	380764	Trần Thị	Thu	3807	16	TCXH1	7.12		74		840 000	840 000	
390	380766	Lương Văn	Thạch	3807	10	TCXH1		3			840 000	840 000	
391	380801	Nguyễn Thị Vân	Anh	3808	19		7.88		78	1 750 000		1 750 000	Khá
392	380803	Hoàng Thị	Tinh	3808	18	TCXH1	7.27		66		840 000	840 000	
393	380805	Dương Thị	Điệp	3808	18	TCXH1	6.93		66		840 000	840 000	
394	380808	Hà Thị Thanh	Chà	3808	19		7.84		82	1 750 000		1 750 000	Khá
395	380809	Bùi Thị	Cẩm	3808	18	TCXH1	6.67		65		840 000	840 000	
396	380812	Quách Bình	Nhi	3808	20	TCXH1	7.54		74		840 000	840 000	
397	380815	Nguyễn Thanh	Mai	3808	16	TCXH1	0.79	5	59		840 000	840 000	
398	380816	Nhan Thị	Hoài	3808	20	TCXH1	7.23		67		840 000	840 000	
399	380819	Lương Mai	Huế	3808	20	TCXH1	7.50		84		840 000	840 000	
400	380822	Bế Thị	Chuyên	3808	19	TCXH1	7.46		88		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
401	380825	Vũ Đình	Vượng	3808	19		7.81		75	1 750 000		1 750 000	Khá
402	380831	Mùa A	Vắng	3808	16	TCXH1	6.61		80		840 000	840 000	
403	380833	Bạch Thị	Ngọc	3808	19		7.94		72	1 750 000		1 750 000	Khá
404	380834	Lường Văn	Bình	3808	20	TCXH1	6.69		68		840 000	840 000	
405	380835	Vừ Thị	Dung	3808	19	TCXH1	6.80		70		840 000	840 000	
406	380840	Lê Thị	Tuyết	3808	20		7.98		85	1 750 000		1 750 000	Khá
407	380841	Lưu Thị Ngọc	Anh	3808	19		8.09		78	1 750 000		1 750 000	Khá
408	380851	Trương Việt	Hoa	3808	19		7.85		89	1 750 000		1 750 000	Khá
409	380852	Nguyễn Duy	Phúc	3808	20		7.91		84	1 750 000		1 750 000	Khá
410	380854	Nông Thị Thanh	Tuyền	3808	19	TCXH1	7.82		80	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
411	380855	Hà Hải	Nam	3808	16	TCXH1	7.47		73		840 000	840 000	
412	380856	Bùi Xuân	Quân	3808	16		7.83		78	1 750 000		1 750 000	Khá
413	380859	Sông A	Duẩn	3808	19	TCXH1	6.95		68		840 000	840 000	
414	380902	Hoàng Thị	Hoan	3809	19	TCXH1	6.43		69		840 000	840 000	
415	380905	Lý Thị Huyền	Trăng	3809	20	TCXH1	7.67		71		840 000	840 000	
416	380907	Vàng Thị	Phương	3809	18	TCXH1	7.41		73		840 000	840 000	
417	380914	Trần Thị Thu	Hà	3809	19		8.05		71	1 750 000		1 750 000	Khá
418	380917	Phùng Phi	Hùng	3809	19	TCXH1	7.35		72		840 000	840 000	
419	380919	Trương Thị Kim	Anh	3809	20		7.93		71	1 750 000		1 750 000	Khá
420	380933	Nguyễn Thị Trà	Vân	3809	19		7.82		76	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
421	380939	Phạm Thùy	Hoa	3809	20		7.92		71	1 750 000		1 750 000	Khá
422	380950	Nguyễn Phụng	Hà	3809	18		8.19		74	1 750 000		1 750 000	Khá
423	380954	Nông Diệu	Lan	3809	20		7.93		73	1 750 000		1 750 000	Khá
424	380955	Ngô Việt	Hoàng	3809	16	TCXH1	6.71		70		840 000	840 000	
425	380962	Phạm Bảo	An	3809	18		8.03		71	1 750 000		1 750 000	Khá
426	380965	Dương Thị Ngọc	Lê	3809	23	TCXH1	7.53		72		840 000	840 000	
427	380966	Phạm Văn	Cương	3809	20	TCXH1	7.24		75		840 000	840 000	
428	380967	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3809	18	TCXH1	5.98		69		840 000	840 000	
429	381007	Hà Trúc	Ly	3810	19	TCXH1	7.69		82		840 000	840 000	
430	381017	Nông Thị	Huyền	3810	20	TCXH1	7.97		80	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
431	381028	Lò Thị	Văn	3810	20	TCXH1	7.39		82		840 000	840 000	
432	381032	Lê Thị Khánh	Linh	3810	20		7.92		82	1 750 000		1 750 000	Khá
433	381033	Tạ Thị	Liều	3810	16		7.92		81	1 750 000		1 750 000	Khá
434	381038	Đàm Thị Minh	Phương	3810	20		7.91		79	1 750 000		1 750 000	Khá
435	381042	Bùi Thị	Hằng	3810	16		7.88		75	1 750 000		1 750 000	Khá
436	381057	Lý Văn	Sơn	3810	16	TCXH1	6.91		76		840 000	840 000	
437	381060	Hà Thị	Thu	3810	16	TCXH1	6.58	1	80		840 000	840 000	
438	381105	Chu Thị	Nga	3811	19	TCXH1	5.73	1	65		840 000	840 000	
439	381130	Vy Thị	Mần	3811	20	TCXH1	6.50		69		840 000	840 000	
440	381151	Hoàng Văn	Ba	3811	19	TCXH1	5.91	1	73		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
441	381153	Lộc Thị Lệ	3811	20	TCXH1	6.10	1	69		840 000	840 000	
442	381155	Nguyễn Thị Mơ	3811	20	TCXH1	6.65		72		840 000	840 000	
443	381204	Bùi Phương Anh	3812	16	TCXH1	6.09		88		840 000	840 000	
444	381208	Nguyễn Thị Huệ	3812	19		7.96		78	1 750 000		1 750 000	Khá
445	381216	Nông Thị Hằng	3812	16	TCXH1		5			840 000	840 000	
446	381227	Bùi Thị Bích Thêu	3812	16	TCXH1	2.21	5	51		840 000	840 000	
447	381252	Lê Hoàng Phương Linh	3812	20		7.84		78	1 750 000		1 750 000	Khá
448	381301	Lý Thị Hoa	3813	18	TCXH1	6.87		78		840 000	840 000	
449	381303	Hoàng Thị Bích Nhung	3813	19	TCXH1	6.48		78		840 000	840 000	
450	381311	Lý Thị Trang	3813	20	TCXH1	7.14		79		840 000	840 000	
451	381320	Phạm Thị Phương Anh	3813	16		7.83		78	1 750 000		1 750 000	Khá
452	381330	Hà Thị Phương	3813	20	TCXH1	5.89	1	78		840 000	840 000	
453	381331	Vàng A Lài	3813	18	TCXH1	5.57		76		840 000	840 000	
454	381354	Lèng Thuý Nhị	3813	16	TCXH1	5.33	1	76		840 000	840 000	
455	381365	Lê Minh Tuấn	3813	20	TCXH1	6.57		78		840 000	840 000	
456	381401	Triệu Thùy Linh	3814	20	TCXH1	7.90		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
457	381403	Bùi Thị Thanh Thủy	3814	18	TCXH1	6.35		77		840 000	840 000	
458	381410	Ngô Thị Hà	3814	20	TCXH1	8.04		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
459	381412	Phan Thị Vui	3814	19	TCXH1	7.82		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
460	381413	Bàn Thị Bến	3814	19	TCXH1	6.05	1	76		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
461	381414	Kiều Thị	Tuyết	3814	20		7.94		78	1 750 000		1 750 000	Khá
462	381416	Trần Thị	Thảo	3814	20		8.09		78	1 750 000		1 750 000	Khá
463	381421	Vũ Thu	Uyên	3814	20		8.12		78	1 750 000		1 750 000	Khá
464	381431	Vàng A	Trùng	3814	19	TCXH1	5.22	1	74		840 000	840 000	
465	381434	Phan Thị	Hồng	3814	20		7.82		78	1 750 000		1 750 000	Khá
466	381438	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3814	18		7.95		78	1 750 000		1 750 000	Khá
467	381447	Lê Thị Như	Quỳnh	3814	20		8.10		78	1 750 000		1 750 000	Khá
468	381448	Vũ Việt	Hùng	3814	16		8.25		78	1 750 000		1 750 000	Khá
469	381519	Nguyễn Thu	Hương	3815	20		7.85		78	1 750 000		1 750 000	Khá
470	381522	Phạm Thị	Din	3815	20		8.21		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
471	381527	Nguyễn Thị	Tuyết	3815	19		7.86		76	1 750 000		1 750 000	Khá
472	381531	Vương Thu	Hằng	3815	20	TCXH1	7.25		73		840 000	840 000	
473	381532	Tao Văn	Đăm	3815	19	TCXH1	6.45		76		840 000	840 000	
474	381541	Trần Thị Lệ	Thủy	3815	18		8.17		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
475	381546	Thắm Hoàng	Anh	3815	19		7.88		76	1 750 000		1 750 000	Khá
476	381555	Lưu Thị Thu	Hà	3815	20		7.83		76	1 750 000		1 750 000	Khá
477	381557	Lý Thị	Hạnh	3815	19	TCXH1	7.22		75		840 000	840 000	
478	381558	Hồ Thanh	Phong	3815	16		8.02		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
479	381560	Bàn Thị	Nhung	3815	18	TCXH1	6.78		77		840 000	840 000	
480	381561	Hoàng Thùy	Linh	3815	19		8.01		79	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
481	381563	Phạm Vĩnh	Hải	3815	19		8.15		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
482	381564	Nguyễn Thị Việt	Hà	3815	19		8.15		76	1 750 000		1 750 000	Khá
483	381603	Hà Thị	Ly	3816	19	TCXH1	6.46		74		840 000	840 000	
484	381607	Chu Thị	Linh	3816	16	TCXH1	7.39		76		840 000	840 000	
485	381620	Đặng Thị Thu	Giang	3816	19		8.14		76	1 750 000		1 750 000	Khá
486	381630	Hà Văn	Thập	3816	18	TCXH1	7.14		75		840 000	840 000	
487	381641	Phạm Huy	Khánh	3816	19		8.11		76	1 750 000		1 750 000	Khá
488	381667	Luân Thị	Nường	3816	18	TCXH1	6.71		74		840 000	840 000	
489	381704	Hoàng Thị	Thu	3817	19	TCXH1	7.05		76		840 000	840 000	
490	381723	Mùi Thị	Ngọc	3817	19	TCXH1	5.88	1	73		840 000	840 000	
491	381745	Nguyễn Như	Sơn	3817	16		7.95		90	1 750 000		1 750 000	Khá
492	381750	Hoàng Thị	Hiên	3817	16	TCXH1	4.52	2	72		840 000	840 000	
493	381764	Hoàng Thị	Linh	3817	18	TCXH1	5.61		75		840 000	840 000	
494	381803	Hoàng Văn	Thiệp	3818	20	TCXH1	7.22		77		840 000	840 000	
495	381804	Bàn Hồng	Hạnh	3818	16	TCXH1	5.61	1	75		840 000	840 000	
496	381808	Bùi Thị	Chi	3818	19	TCXH1	5.92		75		840 000	840 000	
497	381816	Tòng Thúc	Sinh	3818	16	TCXH1	6.73		77		840 000	840 000	
498	381830	Lò Văn	Sinh	3818	19	TCXH1	7.56		78		840 000	840 000	
499	381838	Dương Thị	Hồng	3818	16		8.13		78	1 750 000		1 750 000	Khá
500	381856	Bế Thị	Trang	3818	19	TCXH1	6.38		76		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
501	381860	Hứa Bích Phương	3818	19	TCXH1	6.37	1	76		840 000	840 000	
502	381904	Đinh Thị Nga	3819	19	TCXH1	7.61		77		840 000	840 000	
503	381905	Hà Dương Thâm	3819	19	TCXH1	6.09	1	76		840 000	840 000	
504	381915	Vì Nguyễn Thuý	3819	16	TCXH1	5.33	1	75		840 000	840 000	
505	381916	Đinh Thị Thúy	3819	20	TCXH1	7.24		77		840 000	840 000	
506	381919	Nông Thị Chinh	3819	16	TCXH1	6.56	1	76		840 000	840 000	
507	381931	Hà Thị Len	3819	18	TCXH1	6.30		76		840 000	840 000	
508	381943	Lý Khánh Vân	3819	16	TCXH1	6.75		85		840 000	840 000	
509	381950	Ngải Khánh Hoà	3819	19	TCXH1	6.54		76		840 000	840 000	
510	381954	Nông Thị Mơ	3819	20	TCXH1	5.62	1	75		840 000	840 000	
511	381960	Lương Nhật Lệ	3819	16	TCXH1	6.03		75		840 000	840 000	
512	381961	Trịnh Thị Phương	3819	18	TCXH1	6.07	1	76		840 000	840 000	
513	381962	Phạm Thị Hương	3819	20	TCXH1	4.84	2	75		840 000	840 000	
514	381963	Vương Thị Gái	3819	16	TCXH1	5.28	1	75		840 000	840 000	
515	382001	La Thị Điểm	3820	16	TCXH1	7.07		77		840 000	840 000	
516	382004	Tạ Khánh Duy	3820	20		8.25		78	1 750 000		1 750 000	Khá
517	382007	Vàng Mí Say	3820	18	TCXH1	6.64		77		840 000	840 000	
518	382011	Bàn Thị Huế	3820	20	TCXH1	6.87		77		840 000	840 000	
519	382016	Nông Thị Liễu	3820	16	TCXH1	6.38		76		840 000	840 000	
520	382037	Triệu Thị Huyền	3820	20	TCXH1	5.74	2	73		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
521	382051	Hà Phương	Đông	3820	19		7.82		78	1 750 000		1 750 000	Khá
522	382054	Trần Thị Mỹ	Huyền	3820	20	TCXH1	6.79		77		840 000	840 000	
523	382062	Vũ Mạnh	Tuấn	3820	20	TCXH1	5.41	1	75		840 000	840 000	
524	382063	Đình Hà	Trang	3820	16	TCXH1	6.57		83		840 000	840 000	
525	382064	Hạ Bá	Chùa	3820	18	TCXH1	5.55	1	75		840 000	840 000	
526	390101	Đoàn Lan	Hương	3901	17		7.90		79	1 750 000		1 750 000	Khá
527	390103	Hoàng Thị	Chuyên	3901	20	TCXH1	6.95		72		840 000	840 000	
528	390104	Giàng Thị	Minh	3901	14	TCXH1	7.74		77	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
529	390109	Phan Thị	Huyền	3901	14		7.89		79	1 750 000		1 750 000	Khá
530	390113	Lương Thị	Hường	3901	14	TCXH1	7.09		71		840 000	840 000	
531	390115	Chu Thị Ngọc	Mai	3901	14		7.87		79	1 750 000		1 750 000	Khá
532	390120	Phan Văn	Anh	3901	14		8.00		76	1 750 000		1 750 000	Khá
533	390130	Trịnh Thị ánh	Ngọc	3901	15		7.86		84	1 750 000		1 750 000	Khá
534	390131	Đồng Thị	Hồng	3901	15		8.05		78	1 750 000		1 750 000	Khá
535	390137	Nguyễn Văn	Long	3901	14		8.07		90	2 000 000		2 000 000	Giỏi
536	390144	Vũ Thị Hồng	Hạnh	3901	14		7.89		74	1 750 000		1 750 000	Khá
537	390146	Lê Thanh	Hoài	3901	15		7.97		74	1 750 000		1 750 000	Khá
538	390154	Mai Vũ Hoàng	Anh	3901	14		7.76		80	1 750 000		1 750 000	Khá
539	390165	Mai Thị Ngân	Hà	3901	20		7.75		82	1 750 000		1 750 000	Khá
540	390173	Ma Thị	Hương	3901	15	TCXH1	7.07		72		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
541	390201	Phạm Thị	Nhung	3902	16		7.98		90	1 750 000		1 750 000	Khá
542	390205	Nguyễn Thị	Hiền	3902	16	TCXH1	7.23		80		840 000	840 000	
543	390208	Nguyễn Thị Thu	Hương	3902	16	TCXH1	6.93		81		840 000	840 000	
544	390211	Nguyễn Hằng	Nga	3902	18		7.83		85	1 750 000		1 750 000	Khá
545	390217	Nguyễn Thị	Huyền	3902	14		7.96		76	1 750 000		1 750 000	Khá
546	390218	Nguyễn Văn	Hoà	3902	15	TCXH1	8.04		73	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
547	390224	Mai Thị	Nam	3902	14		7.73		75	1 750 000		1 750 000	Khá
548	390237	Long Thị Hà	Anh	3902	15	TCXH1	7.16		83		840 000	840 000	
549	390244	Nguyễn Thị Trà	My	3902	16		7.72		70	1 750 000		1 750 000	Khá
550	390258	Đỗ Thị	Đoàn	3902	15		8.21		68	1 750 000		1 750 000	Khá
551	390260	Nguyễn Thanh	Hằng	3902	15		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
552	390266	Bùi Thị	Tuyến	3902	15	TCXH1	3.26	4	60		840 000	840 000	
553	390304	Nông Thị	Hương	3903	14	TCXH1	7.06		75		840 000	840 000	
554	390305	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	3903	15	TCXH1	6.79		75		840 000	840 000	
555	390309	Phùng Thị Bích	Huyền	3903	14		8.04		76	1 750 000		1 750 000	Khá
556	390314	Trần Thị Ngọc	ánh	3903	16		7.98		80	1 750 000		1 750 000	Khá
557	390324	Đặng Thị Bích	Ngọc	3903	14		7.79		80	1 750 000		1 750 000	Khá
558	390329	Nguyễn Thị Quỳnh	Châm	3903	14		7.77		76	1 750 000		1 750 000	Khá
559	390342	Vũ Nguyễn Thanh	Lương	3903	18		8.01		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
560	390343	Vũ Thị	Liều	3903	17		7.84		78	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
561	390348	Vũ Trung	Dũng	3903	16		7.76		76	1 750 000		1 750 000	Khá
562	390350	Trịnh Việt	Anh	3903	18		7.85		76	1 750 000		1 750 000	Khá
563	390354	Nguyễn Thu	Quỳnh	3903	14		7.77		76	1 750 000		1 750 000	Khá
564	390356	Hoàng Thị Phương	Lan	3903	14		8.01		76	1 750 000		1 750 000	Khá
565	390361	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3903	14		7.96		79	1 750 000		1 750 000	Khá
566	390362	Phùng Thảo	Huyền	3903	16		7.81		82	1 750 000		1 750 000	Khá
567	390411	Ma Văn	Chính	3904	14	TCXH1	7.25		78		840 000	840 000	
568	390414	Quách Thị	Thảo	3904	15		7.70		70	1 750 000		1 750 000	Khá
569	390415	Lương Văn	Tám	3904	14	TCXH1	7.81		94	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
570	390424	Trần Thị	Huệ	3904	14		7.95		80	1 750 000		1 750 000	Khá
571	390427	Lưu Thị Minh	Trang	3904	17		7.78		86	1 750 000		1 750 000	Khá
572	390435	Nông Thị	Nụ	3904	17	TCXH1	7.72		82	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
573	390437	Sầm Thị	Chanh	3904	16	TCXH1	5.99	1	78		840 000	840 000	
574	390443	Ngô Thị Khánh	Ly	3904	15		7.81		86	1 750 000		1 750 000	Khá
575	390445	Nguyễn Thị	Hoa	3904	17		8.00		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
576	390447	Lương Thị	Sen	3904	17		8.22		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
577	390452	Lê Thị Thu	Hường	3904	15		7.88		73	1 750 000		1 750 000	Khá
578	390455	Phạm Thị Hồng	Nhung	3904	17		7.89		86	1 750 000		1 750 000	Khá
579	390457	Phan Thuỳ	Linh	3904	17		7.81		85	1 750 000		1 750 000	Khá
580	390461	Nguyễn Khánh	Phương	3904	15		7.97		82	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
581	390465	Bùi Bích	Ngọc	3904	14		7.70		84	1 750 000		1 750 000	Khá
582	390466	Phạm Hương	Thảo	3904	15		7.89		82	1 750 000		1 750 000	Khá
583	390502	An Kiều	Loan	3905	15		7.91		79	1 750 000		1 750 000	Khá
584	390512	Trương Thị Khánh	Ly	3905	15		8.28		71	1 750 000		1 750 000	Khá
585	390513	Vũ Ngọc	Trang	3905	14		7.81		77	1 750 000		1 750 000	Khá
586	390514	Trần Phương	Mai	3905	14		7.72		82	1 750 000		1 750 000	Khá
587	390527	Nguyễn Thị Nhật	Linh	3905	14		7.91		74	1 750 000		1 750 000	Khá
588	390536	Bùi Thị	Diễm	3905	18		7.78		71	1 750 000		1 750 000	Khá
589	390542	Lưu Trần Trọng	Vinh	3905	14		7.71		78	1 750 000		1 750 000	Khá
590	390557	Đoàn Xuân	Duy	3905	14		7.92		79	1 750 000		1 750 000	Khá
591	390561	Trần Phương	Thảo	3905	15		7.80		86	1 750 000		1 750 000	Khá
592	390607	Đỗ Bùi Phương	Linh	3906	16		7.76		83	1 750 000		1 750 000	Khá
593	390608	Hà Thị	Uyên	3906	15	TCXH1	7.83		84	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
594	390616	Lý Thị	Huyền	3906	13	TCXH1	6.92		71		840 000	840 000	
595	390635	Đinh Ngọc	ánh	3906	15	TCXH1	6.77		68		840 000	840 000	
596	390637	Nông Thị	Thuỷ	3906	16	TCXH1	7.19		70		840 000	840 000	
597	390658	Trần Thị Minh	Thủy	3906	15		7.83		82	1 750 000		1 750 000	Khá
598	390667	Trần Hải	Ninh	3906	15		7.71		85	1 750 000		1 750 000	Khá
599	390701	Hà Thị	Giang	3907	14	TCXH1	6.85		76		840 000	840 000	
600	390702	Lường Văn	Thức	3907	14	TCXH1	6.65		93		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
601	390703	Nông Thị Huyền	Ngọc	3907	15	TCXH1	7.76		86	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
602	390705	Nguyễn Thị	Thanh	3907	14		7.81		82	1 750 000		1 750 000	Khá
603	390706	Đinh Thị Nhật	Hà	3907	14	TCXH1	7.39		84		840 000	840 000	
604	390709	Hoàng Thị Mỹ	Hoa	3907	14	TCXH1	7.30		84		840 000	840 000	
605	390713	Bùi Thị	Thúy	3907	16		8.14		78	1 750 000		1 750 000	Khá
606	390717	Nguyễn Thị Phương	Linh	3907	14		8.07		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
607	390720	Bùi Thị	Nhung	3907	14	TCXH1	5.01	1	76		840 000	840 000	
608	390721	Trần Thị Phương	Anh	3907	14		7.94		86	1 750 000		1 750 000	Khá
609	390722	Lý Quỳnh	Như	3907	14	TCXH1	7.48		83		840 000	840 000	
610	390724	Chu Thị Kim	Huệ	3907	14		8.14		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
611	390764	Bùi Mai	Hương	3907	14		7.77		73	1 750 000		1 750 000	Khá
612	390772	Giàng Thị	Mái	3907	14		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
613	390802	Ngô Thị	Nga	3908	17	TCXH1	6.95		53		840 000	840 000	
614	390804	Hoàng Thị	Thu	3908	14	TCXH1	7.55		72		840 000	840 000	
615	390805	Hoàng Kim	Ngân	3908	15	TCXH1	7.16		70		840 000	840 000	
616	390808	Lưu Thị Phong	Nhã	3908	19	TCXH1	7.73		76	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
617	390820	Bùi Tuyết	Ngọc	3908	15		8.06		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
618	390823	Nguyễn Thị	Đào	3908	14		8.43		95	2 000 000		2 000 000	Giỏi
619	390826	Đào Thị Bích	Phượng	3908	16		7.71		71	1 750 000		1 750 000	Khá
620	390827	Nguyễn Thị ánh	Hồng	3908	14		7.92		84	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
621	390834	Nguyễn Thị	Giang	3908	14		7.96		86	1 750 000		1 750 000	Khá
622	390835	Hoàng	Quyên	3908	17	TCXH1	7.59		77		840 000	840 000	
623	390841	Dương Hồng	Phương	3908	16		8.09		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
624	390842	Vũ Thị	Thương	3908	14		7.82		71	1 750 000		1 750 000	Khá
625	390850	Sùng Thị	May	3908	14	TCXH1	6.77		79		840 000	840 000	
626	390852	Nguyễn Thị	Hường	3908	14		7.81		73	1 750 000		1 750 000	Khá
627	390856	Dư Thanh	Tú	3908	15		8.14		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
628	390870	Lù Thúy	Bình	3908	12	TCXH1	7.28		76		840 000	840 000	
629	390871	Sin Văn	Tuấn	3908	11	TCXH1	6.88		75		840 000	840 000	
630	390902	Đinh Thị	Lúa	3909	14		7.95		84	1 750 000		1 750 000	Khá
631	390903	Hoàng Thu	Thủy	3909	14	TCXH1	7.68		81		840 000	840 000	
632	390905	Bàn Thị	Chung	3909	14		7.92		84	1 750 000		1 750 000	Khá
633	390907	Đinh Thị Thu	Huyền	3909	14	TCXH1	7.65		84		840 000	840 000	
634	390914	Lê Thuỳ	Thương	3909	15		7.71		84	1 750 000		1 750 000	Khá
635	390918	Ma Thị	Trang	3909	18	TCXH1	7.58		82		840 000	840 000	
636	390924	Trần Thị	Hậu	3909	15		7.77		82	1 750 000		1 750 000	Khá
637	390925	Cao Thị Phương	Hoa	3909	14		8.53		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
638	390928	Đỗ Thị Thanh	Thanh	3909	16		8.04		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
639	390930	Lê Thị	Trang	3909	16		8.10		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
640	390931	Trần Thị	Dung	3909	18		8.04		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
641	390933	Trần Quốc	Hưng	3909	18		8.12		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
642	390939	Hà Thị Bích	Ngọc	3909	14		7.82		81	1 750 000		1 750 000	Khá
643	390943	Nguyễn Chí	Thắng	3909	16		7.78		82	1 750 000		1 750 000	Khá
644	390949	Phạm Thị	Vân	3909	14		7.79		82	1 750 000		1 750 000	Khá
645	390950	Phạm Hồng	Anh	3909	14		7.74		82	1 750 000		1 750 000	Khá
646	390955	Phạm Hải	Bình	3909	18		8.31		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
647	390956	Phạm Ngọc Minh	Châu	3909	15		8.49		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
648	390959	Trần Thị	Len	3909	14		8.09		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
649	390961	Phạm Thị Bảo	Ngọc	3909	16		7.92		82	1 750 000		1 750 000	Khá
650	391004	Đồng Thanh	Huệ	3910	19	TCXH1	7.63		82		840 000	840 000	
651	391006	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3910	15	TCXH1	7.22		81		840 000	840 000	
652	391008	Mã Thị Yến	Chi	3910	15	TCXH1	7.35		82		840 000	840 000	
653	391016	Lương Lệ	Mai	3910	16		7.81		82	1 750 000		1 750 000	Khá
654	391017	Trần Đại	Thịnh	3910	16		8.13		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
655	391018	Lò Thị	Tuyết	3910	15	TCXH1	7.39		80		840 000	840 000	
656	391021	Lê Thị	Lân	3910	14		7.75		82	1 750 000		1 750 000	Khá
657	391023	Lò Thị	Nụ	3910	14	TCXH1	6.76		78		840 000	840 000	
658	391028	Hoàng Thị	Phượng	3910	14	TCXH1	7.86		82	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
659	391036	Ninh Thị	Hoa	3910	17	TCXH1	6.73	1	78		840 000	840 000	
660	391037	Nông Thị	Hà	3910	16	TCXH1	7.64		81		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
661	391043	Tạ Hoàng	Đăng	3910	15		8.11		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
662	391046	Phan Thị	Mai	3910	14		7.96		82	1 750 000		1 750 000	Khá
663	391049	Đoàn Thị	Ngân	3910	14		7.93		82	1 750 000		1 750 000	Khá
664	391059	Nguyễn Hồng	Hạnh	3910	14		8.17		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
665	391060	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	3910	15		8.29		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
666	391103	Nông Thị Hương	Quỳnh	3911	17	TCXH1	6.75		70		840 000	840 000	
667	391109	Đàm Thị	Vui	3911	18	TCXH1	6.91		67		840 000	840 000	
668	391117	Đinh Thị Ngọc	Anh	3911	18		8.06		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
669	391136	Nông Thị	Lam	3911	19	TCXH1	6.94		80		840 000	840 000	
670	391168	Nông Thị	Tĩnh	3911	20	TCXH1	7.41		85		840 000	840 000	
671	391169	Ngọc Thị Huyền	Trâm	3911	14	TCXH1	6.58		83		840 000	840 000	
672	391172	Nông Diệu	Thúy	3911	18	TCXH1	7.06		73		840 000	840 000	
673	391201	Trương Ngọc	Vũ	3912	17	TCXH1	7.54		83		840 000	840 000	
674	391202	Trịnh Hoài	Phương	3912	16	TCXH1	7.61		90		840 000	840 000	
675	391203	Nông Thị	Hòa	3912	18	TCXH1	6.62		82		840 000	840 000	
676	391206	Hoàng Thị	Lịch	3912	19	TCXH1	7.29		84		840 000	840 000	
677	391207	Hà Thị	Điệp	3912	18	TCXH1	6.73		85		840 000	840 000	
678	391208	Mông Thị	Vinh	3912	20	TCXH1	7.33		86		840 000	840 000	
679	391211	Vi Thị	Trang	3912	18	TCXH1	7.03		82		840 000	840 000	
680	391226	Trần Thị Kim	Xuyến	3912	18		8.03		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
681	391239	Hoàng Thị	Hiếu	3912	13	TCXH1	6.78	1	78		840 000	840 000	
682	391301	Mai Diễm	Linh	3913	14	TCXH1	6.43		76		840 000	840 000	
683	391308	Nông Thị Diễm	Hương	3913	16	TCXH1	7.02		77		840 000	840 000	
684	391309	Hứa Thị Kim	Oanh	3913	14	TCXH1	6.65	1	76		840 000	840 000	
685	391334	Vi Thị	Mơ	3913	16	TCXH1	5.78	1	76		840 000	840 000	
686	391355	Lương Thị Mỹ	Huyền	3913	16	TCXH1	6.38	1	76		840 000	840 000	
687	391434	Trương Hải	Quyên	3914	15	TCXH1	6.36		76		840 000	840 000	
688	391471	Lương Thanh	Nhàn	3914	14	TCXH1	5.86		76		840 000	840 000	
689	391503	Hoàng Thị	Cúc	3915	17	TCXH1	6.54		77		840 000	840 000	
690	391507	Hà Thị	Trưng	3915	17	TCXH1	7.15		77		840 000	840 000	
691	391521	Tòng Thị	Thảo	3915	16	TCXH1	6.79		78		840 000	840 000	
692	391602	Lý Tài	Hiếu	3916	16	TCXH1	7.05		77		840 000	840 000	
693	391674	Nguyễn Thị	Duyên	3916	16		7.74		84	1 750 000		1 750 000	Khá
694	391677	Nguyễn Văn	Công	3916	17		7.94		78	1 750 000		1 750 000	Khá
695	391702	Nông Thị	Lê	3917	14	TCXH1	6.00	1	76		840 000	840 000	
696	391707	Bạc Thị	Mai	3917	14	TCXH1	6.31		76		840 000	840 000	
697	391708	Phan Thùy	Linh	3917	14	TCXH1	6.70		76		840 000	840 000	
698	391710	Hứa Thu	Trang	3917	15	TCXH1	6.90		77		840 000	840 000	
699	391711	Ngô Thị	Mai	3917	19		7.85		78	1 750 000		1 750 000	Khá
700	391806	Liễu Ngọc	Quân	3918	17	TCXH1	5.14	1	75		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
701	391819	Vi Thị Hồng	Liên	3918	14	TCXH1	6.71		79		840 000	840 000	
702	391850	Nguyễn Thuỳ	Dung	3918	17		7.98		78	1 750 000		1 750 000	Khá
703	391869	Dương Thị	Giang	3918	17	TCXH1	5.94	1	76		840 000	840 000	
704	391901	Chương Thị	Hương	3919	18	TCXH1	7.49		80		840 000	840 000	
705	391903	Dương Thị	Thoa	3919	14	TCXH1	6.59		76		840 000	840 000	
706	391907	Đinh Thị	Hào	3919	12	TCXH1	6.23		76		840 000	840 000	
707	391909	Lục ánh	Nguyệt	3919	16	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	
708	391912	La Thị Bầy	Nhung	3919	18	TCXH1	7.11		79		840 000	840 000	
709	391920	Lò Thị	Ngân	3919	14	TCXH1	6.32		76		840 000	840 000	
710	391932	Ma Thị	Chuyên	3919	18	TCXH1	7.52		80		840 000	840 000	
711	392003	Lương Hoàng	Yến	3920	17	TCXH1	6.58		76		840 000	840 000	
712	392005	Nông Thị Hồng	Duyên	3920	20	TCXH1	6.91		77		840 000	840 000	
713	392008	Vương Thị	Thúy	3920	17	TCXH1	6.80		77		840 000	840 000	
714	392026	Đinh Thị Mai	Anh	3920	20		7.83		78	1 750 000		1 750 000	Khá
715	392102	Hoàng Thị	Lan	3921	12	TCXH1	6.25		76		840 000	840 000	
716	392136	Nông Thị	Quỳnh	3921	18	TCXH1	6.90		77		840 000	840 000	
717	392152	Bùi Thị Thảo	My	3921	17		7.82		78	1 750 000		1 750 000	Khá
718	392201	Đào Thị Thúy	Hằng	3922	18		7.90		78	1 750 000		1 750 000	Khá
719	392232	Lò Thị	Biển	3922	18	TCXH1	7.22		77		840 000	840 000	
720	392235	Nông Hồng	Nhung	3922	17	TCXH1	7.25		77		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
721	392241	Nguyễn Thị Ngân	Giang	3922	17		7.92		78	1 750 000		1 750 000	Khá
722	400112	Nguyễn Minh	Chiến	4001	16		7.34		86	1 750 000		1 750 000	Khá
723	400153	Nông Văn	Quân	4001	16	TCXH1	4.80	1	76		840 000	840 000	
724	400222	Dương Mai	Ngọc	4002	16		7.13		77	1 750 000		1 750 000	Khá
725	400241	Vàng A	Tĩnh	4002	16	TCXH1	5.94		75		840 000	840 000	
726	400246	Phà Thó	Xa	4002	16	TCXH1	4.63	2	67		840 000	840 000	
727	400247	Sùng Thị	Dợ	4002	16	TCXH1	4.24	2	67		840 000	840 000	
728	400252	Lù Thị	Tâm	4002	16	TCXH1	6.31		76		840 000	840 000	
729	400253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	4002	16	TCXH1	6.26		76		840 000	840 000	
730	400265	Chu Thị	Lan	4002	16	TCXH1	5.56	1	75		840 000	840 000	
731	400301	Nguyễn Quang	Linh	4003	16		7.09		77	1 750 000		1 750 000	Khá
732	400341	Hoàng Thị	Hằng	4003	16	TCXH1	5.31		75		840 000	840 000	
733	400342	Bàn Thị	Hường	4003	16	TCXH1	3.88	2	66		840 000	840 000	
734	400346	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4003	16		7.77		91	1 750 000		1 750 000	Khá
735	400348	Bế Thị	Hường	4003	16	TCXH1	5.34	1	75		840 000	840 000	
736	400401	Mai Thị Hải	Yến	4004	19		7.00		74	1 750 000		1 750 000	Khá
737	400404	Lù Thị	Long	4004	16		7.22		77	1 750 000		1 750 000	Khá
738	400416	Hồ A	Sánh	4004	16	TCXH2	4.86	1	73		600 000	600 000	
739	400422	Bùi Thị Dương	Chà	4004	16		7.12		77	1 750 000		1 750 000	Khá
740	400448	Giàng Thị	Giông	4004	16	TCXH1	4.23	1	73		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
741	400458	Nguyễn Thị	Thuận	4004	16	TCXH2	4.85	1	72		600 000	600 000	
742	400572	Ma Thị Hải	Yến	4005	16	TCXH1	2.83	3	62		840 000	840 000	
743	400601	Nguyễn Thị	Hương	4006	16		7.34		81	1 750 000		1 750 000	Khá
744	400647	Cà Thị	út	4006	16	TCXH1	5.08	1	77		840 000	840 000	
745	400654	Chu Thị	Thảo	4006	16	TCXH1	3.86	2	71		840 000	840 000	
746	400702	Nguyễn Hiền	Lương	4007	16		7.08		85	1 750 000		1 750 000	Khá
747	400748	Trần Văn	Quyến	4007	16		7.31		83	1 750 000		1 750 000	Khá
748	400764	Lô Tiến	Long	4007	16	TCXH1	4.36	2	68		840 000	840 000	
749	400904	Nguyễn Đức	Tiến	4009	16		7.26		76	1 750 000		1 750 000	Khá
750	400907	Phan Thị Khánh	Hòa	4009	16		7.06		73	1 750 000		1 750 000	Khá
751	400908	Nguyễn Minh	Chiến	4009	16		7.04		85	1 750 000		1 750 000	Khá
752	400933	Lê Hồng	Anh	4009	16		7.15		74	1 750 000		1 750 000	Khá
753	400935	Trần Thị	Thúy	4009	16		7.43		76	1 750 000		1 750 000	Khá
754	400939	Lã Thị Bích	Huệ	4009	16		7.76		75	1 750 000		1 750 000	Khá
755	400940	Hoàng Thị Minh	Hương	4009	16		7.13		74	1 750 000		1 750 000	Khá
756	400945	Lại Thị Bình	Huế	4009	16		7.04		74	1 750 000		1 750 000	Khá
757	400949	Hoàng Thị	Sa	4009	16		7.31		74	1 750 000		1 750 000	Khá
758	400950	Sùng Thị	Vang	4009	16	TCXH1	5.45	1	72		840 000	840 000	
759	400955	Lê Thúy	Nga	4009	16		7.21		74	1 750 000		1 750 000	Khá
760	401013	Phạm Đăng	Quý	4010	16		7.13		72	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
761	401026	Phạm Thị Minh	Nguyệt	4010	16		7.38		85	1 750 000		1 750 000	Khá
762	401030	Nguyễn Văn	Thanh	4010	16		7.45		71	1 750 000		1 750 000	Khá
763	401054	Lò Thị Tố	Uyên	4010	16	TCXH1	5.64		77		840 000	840 000	
764	401132	Bùi Thị Phương	Linh	4011	16		7.55		82	1 750 000		1 750 000	Khá
765	401134	Trần Thị Cẩm	Tú	4011	16		7.21		91	1 750 000		1 750 000	Khá
766	401142	Nguyễn Hữu	Thọ	4011	16		7.19		93	1 750 000		1 750 000	Khá
767	401148	Quàng Thị	Thanh	4011	16	TCXH1	5.63	1	83		840 000	840 000	
768	401158	Đinh Thị	Huyền	4011	16	TCXH1	5.81		81		840 000	840 000	
769	401239	Trần Hồng	Minh	4012	16		7.01		89	1 750 000		1 750 000	Khá
770	401241	Bùi Thị Hải	Linh	4012	16		7.28		87	1 750 000		1 750 000	Khá
771	401261	Triệu Thị	Thịnh	4012	16	TCXH1	5.34	1	66		840 000	840 000	
772	401268	Lương ý	Dung	4012	16	TCXH1	5.06	1	80		840 000	840 000	
773	401301	Vũ Thị	Dương	4013	16		7.14		81	1 750 000		1 750 000	Khá
774	401314	Ma Thế	Hào	4013	16	TCXH1	5.50		75		840 000	840 000	
775	401330	Trần Thị Hải	Yến	4013	16		7.24		77	1 750 000		1 750 000	Khá
776	401346	Nguyễn Thị	Vân	4013	16		7.20		77	1 750 000		1 750 000	Khá
777	401352	Lao Thị Ngọc	ánh	4013	16		7.25		83	1 750 000		1 750 000	Khá
778	401355	Phạm Lâm	Oanh	4013	16		7.01		81	1 750 000		1 750 000	Khá
779	401365	Lê Đức	Công	4013	16	TCXH1	3.69	2	67		840 000	840 000	
780	401418	Nguyễn Thị Thu	Hà	4014	16		7.48		77	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
781	401441	Nguyễn Văn	Dương	4014	16		7.13		83	1 750 000		1 750 000	Khá
782	401452	Đặng Thị	Múi	4014	16	TCXH1	5.73		75		840 000	840 000	
783	401503	Nguyễn Thị	Dịu	4015	16		7.02		82	1 750 000		1 750 000	Khá
784	401539	Lương Thị	Thanh	4015	16	TCXH1	6.04		78		840 000	840 000	
785	401547	Hà ánh	Ngọc	4015	16	TCXH1	5.18	1	76		840 000	840 000	
786	401559	Đặng Thị Hồng	ánh	4015	16	TCXH1	5.69		77		840 000	840 000	
787	401651	Dương Thị Thùy	Ngân	4016	16	TCXH1	5.71		73		840 000	840 000	
788	401656	Nguyễn Khánh	Linh	4016	16		7.54		76	1 750 000		1 750 000	Khá
789	401670	Hoàng Văn	Hưng	4016	16	TCXH1	4.36	1	72		840 000	840 000	
790	401701	Bùi Huyền	Trang	4017	15		7.01		77	1 750 000		1 750 000	Khá
791	401755	Triệu Thùy	Linh	4017	15	TCXH1	6.25		76		840 000	840 000	
792	401805	Đỗ Khánh	Linh	4018	15		7.03		77	1 750 000		1 750 000	Khá
793	401807	Lê Thị	Hằng	4018	15	TCXH2	6.04		79		600 000	600 000	
794	401836	Dương Việt	Hà	4018	15	TCXH1	4.65	1	74		840 000	840 000	
795	401863	Dương Thị Lan	Hương	4018	15	TCXH1	6.10		76		840 000	840 000	
796	401907	Phan Như	Quỳnh	4019	15		7.22		83	1 750 000		1 750 000	Khá
797	401915	Phan Thị	Minh	4019	15		7.16		87	1 750 000		1 750 000	Khá
798	401934	Bùi Phương	Linh	4019	15		7.41		88	1 750 000		1 750 000	Khá
799	401954	Đỗ Thị	Uyên	4019	15		7.22		80	1 750 000		1 750 000	Khá
800	401959	Phạm Thị	Thảo	4019	15		7.01		72	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
801	401962	Lò Thị	Mừng	4019	15	TCXH1	4.49	2	67		840 000	840 000	
802	401968	Ma Đức	Lượng	4019	15	TCXH1	4.32	3	76		840 000	840 000	
803	402053	Bùi Thị	Thủy	4020	15	TCXH1	5.77		60		840 000	840 000	
804	402108	Trần Hiền	Phương	4021	15		7.06		83	1 750 000		1 750 000	Khá
805	402116	Trần Văn	Đức	4021	15	TCXH1	4.31	3	59		840 000	840 000	
806	402138	Nguyễn Thị	Thu	4021	15	TCXH1	6.41		74		840 000	840 000	
807	402157	Hà Thị	Hường	4021	15	TCXH1	5.80		63		840 000	840 000	
808	402211	Phạm Thị	Tuyết	4022	15		7.05		89	1 750 000		1 750 000	Khá
809	402252	Nông Thị Thu	Hoài	4022	15	TCXH1	6.03		60		840 000	840 000	
810	402271	Bế Thị Kiều	Diễm	4022	15	TCXH1	6.57		68		840 000	840 000	
811	402304	Nguyễn Hoàng	Trang	4023	15		7.26		78	1 750 000		1 750 000	Khá
812	402315	Nguyễn Ngọc	ánh	4023	15		7.27		75	1 750 000		1 750 000	Khá
813	402342	Đỗ Văn	Phúc	4023	15		7.19		89	1 750 000		1 750 000	Khá
814	402353	Đàm Thị	Thảo	4023	15	TCXH1	6.07		71		840 000	840 000	
815	402355	Lương Thị	Vân	4023	15	TCXH1	5.61	1	73		840 000	840 000	
816	402356	Đàm Thị	Kiều	4023	15	TCXH1	5.03		76		840 000	840 000	
817	402357	Phùng Thị	Quý	4023	15	TCXH1	5.57		76		840 000	840 000	
818	402370	Ngô Thanh	Huyền	4023	15	TCXH1	6.17	1	82		840 000	840 000	
819	402371	Nguyễn Thị	Huệ	4023	15	TCXH1	6.53		82		840 000	840 000	
820	402401	Lò Thị	Hương	4024	15	TCXH1	5.75		56		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
821	402455	Nguyễn Thị Hương	Lan	4024	15	TCXH1	5.70		61		840 000	840 000	
822	402549	Lăng Thị	Hoài	4025	15	TCXH1	5.62		62		840 000	840 000	
823	402551	Hoàng Thị Vân	Thư	4025	15	TCXH1	5.95		67		840 000	840 000	
824	402561	Lộc Thị	Sao	4025	15	TCXH1	5.40	1	70		840 000	840 000	
825	402569	Nguyễn Thị Thu	Hương	4025	15	TCXH1	4.04	2	76		840 000	840 000	
826	402622	Đàm Thị Thanh	Nhàn	4026	15	TCXH1	4.81	1	60		840 000	840 000	
827	402649	Nông Thị	Đào	4026	15	TCXH1	6.01		75		840 000	840 000	
828	402665	Trương Hải	Yến	4026	15	TCXH1	4.99	1	69		840 000	840 000	
829	402744	Mạc Thị	Hiển	4027	15	TCXH1	5.58		81		840 000	840 000	
830	402748	Cà Thị	Quyên	4027	15	TCXH1	5.00	1	72		840 000	840 000	
831	402751	Triệu Thị	Mây	4027	15	TCXH1	6.21		66		840 000	840 000	
832	402753	Hoàng Thị	Hằng	4027	15	TCXH1	5.45	1	84		840 000	840 000	
833	402755	Trần Thị Phương	Anh	4027	15		7.09		79	1 750 000		1 750 000	Khá
834	402827	Hoàng Ngọc	Chi	4028	15	TCXH1	5.23	1	66		840 000	840 000	
835	402850	Lang Thị	Trang	4028	15	TCXH1	3.90	2	69		840 000	840 000	
836	402866	Nông Tư	Vị	4028	15	TCXH1	4.71	1	75		840 000	840 000	
837	402901	Trần Minh	Hằng	4029A	17		7.04		78	1 750 000		1 750 000	Khá
838	402904	Trần Thị Hà	Phương	4029A	17		7.73		76	1 750 000		1 750 000	Khá
839	402907	Nguyễn Ngọc	Thảo	4029A	17		7.61		89	1 750 000		1 750 000	Khá
840	402908	Nguyễn Hồng	Nhung	4029A	17		7.69		82	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
841	402910	Phan Vũ	4029A	17		9.09		91	2 250 000		2 250 000	Xuất sắc
842	402911	Ngô Quang Cường	4029A	17		7.05		66	1 750 000		1 750 000	Khá
843	402913	Vũ Thuỷ Tiên	4029A	17		7.08		89	1 750 000		1 750 000	Khá
844	402917	Lê Thị Hồng Hạnh	4029A	17		8.18		71	1 750 000		1 750 000	Khá
845	402918	Nguyễn Ngọc Bích	4029A	17		7.15		70	1 750 000		1 750 000	Khá
846	402919	Lý Vương Thảo	4029A	17		8.52		70	1 750 000		1 750 000	Khá
847	402920	Hoàng Thị Minh Thảo	4029A	17		7.71		84	1 750 000		1 750 000	Khá
848	402921	Phan Thị Trúc Linh	4029A	17		7.79		86	1 750 000		1 750 000	Khá
849	402922	Nguyễn Hoàng Hải	4029A	17		7.59		86	1 750 000		1 750 000	Khá
850	402923	Trần Ngọc Thành	4029A	17		7.04		87	1 750 000		1 750 000	Khá
851	402924	Hoàng Khánh Linh	4029A	17		7.79		88	1 750 000		1 750 000	Khá
852	402925	Nguyễn Thị Trang	4029A	17		7.08		85	1 750 000		1 750 000	Khá
853	402926	Hồng Lê Cẩm Hằng	4029A	17		7.62		75	1 750 000		1 750 000	Khá
854	402927	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	4029A	17		7.25		73	1 750 000		1 750 000	Khá
855	402930	Nguyễn Khắc Sơn Dương	4029A	17		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
856	402931	Nguyễn Bình Trúc Quỳnh	4029A	17		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
857	402932	Bùi Hà Phương	4029A	17		7.89		90	1 750 000		1 750 000	Khá
858	402933	Phạm Thu Hương	4029A	17		7.41		88	1 750 000		1 750 000	Khá
859	402935	Nguyễn Huyền Trang	4029A	17		7.36		83	1 750 000		1 750 000	Khá
860	402937	Trần Lê Phương Thảo	4029A	17		7.41		83	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
861	402938	Đỗ Thị Hồng	Hoa	4029A	17		7.68		92	1 750 000		1 750 000	Khá
862	402939	Vũ Thị Ngọc	Mai	4029A	17		7.22		66	1 750 000		1 750 000	Khá
863	401723	Trần Hoàng	Anh	4029B	15		7.67		74	1 750 000		1 750 000	Khá
864	402942	Mai Khánh	Linh	4029B	17		7.10		74	1 750 000		1 750 000	Khá
865	402943	Trần Nguyên	Khánh	4029B	17		7.51		73	1 750 000		1 750 000	Khá
866	402944	Mạc An	Chi	4029B	17		7.39		76	1 750 000		1 750 000	Khá
867	402945	Nguyễn Thu	Uyên	4029B	17		7.34		84	1 750 000		1 750 000	Khá
868	402948	Đỗ Hà	Anh	4029B	17		7.28		75	1 750 000		1 750 000	Khá
869	402951	Nguyễn Trần Phương	Trang	4029B	17		7.19		87	1 750 000		1 750 000	Khá
870	402955	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	4029B	17		8.04		75	1 750 000		1 750 000	Khá
871	402960	Đinh Ngọc	Huyền	4029B	17		7.47		73	1 750 000		1 750 000	Khá
872	402963	Nguyễn Thị	Huyền	4029B	17		7.27		78	1 750 000		1 750 000	Khá
873	402965	Vũ Thùy	Dung	4029B	17		7.75		76	1 750 000		1 750 000	Khá
874	402967	Vũ Thị Ngọc	Mai	4029B	17		7.65		74	1 750 000		1 750 000	Khá
875	402969	Trần Thị Hồng	Phương	4029B	17		7.03		80	1 750 000		1 750 000	Khá
876	402971	Nguyễn Thị Ngọc	An	4029B	17		7.22		75	1 750 000		1 750 000	Khá
877	402972	Nguyễn Thị Minh	Tâm	4029B	17		7.15		71	1 750 000		1 750 000	Khá
878	402975	Nguyễn Quỳnh	Anh	4029B	17		7.24		77	1 750 000		1 750 000	Khá
879	402976	Phạm Minh	Tiến	4029B	17		7.52		74	1 750 000		1 750 000	Khá
880	402977	Dương Khánh	Linh	4029B	17		7.50		77	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
881	402979	Vũ Hoàng	Yến	4029B	17		7.06		77	1 750 000		1 750 000	Khá
882	403001	Đỗ Hà	Linh	4030A	17		7.31		85	1 750 000		1 750 000	Khá
883	403002	Nguyễn Lương Thục	Linh	4030A	17		7.03		75	1 750 000		1 750 000	Khá
884	403004	Nguyễn Tuấn	Anh	4030A	17		7.04		81	1 750 000		1 750 000	Khá
885	403006	Đỗ Minh	Tú	4030A	17		7.66		77	1 750 000		1 750 000	Khá
886	403011	Đào Trọng	Nghĩa	4030A	17		7.24		76	1 750 000		1 750 000	Khá
887	403016	Lỗ Thị Thu	Hương	4030A	17		7.41		78	1 750 000		1 750 000	Khá
888	403017	Nguyễn Ngọc Châu	Loan	4030A	17		7.42		78	1 750 000		1 750 000	Khá
889	403018	Ong Thị Thúy	Nga	4030A	17		7.47		82	1 750 000		1 750 000	Khá
890	403019	Ngô Thu	Hiền	4030A	17		8.15		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
891	403025	Đoàn Trúc	Phương	4030A	17		7.94		86	1 750 000		1 750 000	Khá
892	403027	Hà Anh	Thư	4030A	17		7.19		87	1 750 000		1 750 000	Khá
893	403033	Ninh Thị	Thúy	4030A	17		7.39		78	1 750 000		1 750 000	Khá
894	403034	Đỗ Huyền	Linh	4030A	17		7.44		80	1 750 000		1 750 000	Khá
895	403039	Trần Thị Thu	Hoa	4030A	17		7.42		78	1 750 000		1 750 000	Khá
896	403040	Nguyễn Hương	Giang	4030A	17		7.08		84	1 750 000		1 750 000	Khá
897	403044	Nguyễn Phương	Anh	4030B	17		7.61		84	1 750 000		1 750 000	Khá
898	403045	Hoàng Phương	Anh	4030B	17		7.26		88	1 750 000		1 750 000	Khá
899	403046	Vũ Quỳnh	Mai	4030B	17		7.32		85	1 750 000		1 750 000	Khá
900	403051	Phan Hoài	Thu	4030B	17		7.67		81	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
901	403053	Trần Minh	Châu	4030B	17		8.09		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
902	403054	Nguyễn Phương	Thảo	4030B	17		7.36		89	1 750 000		1 750 000	Khá
903	403055	Nguyễn Thị Vân	Anh	4030B	17		7.08		85	1 750 000		1 750 000	Khá
904	403056	Dương Hiểu	Phong	4030B	17		8.81		95	2 000 000		2 000 000	Giỏi
905	403057	Nguyễn Đoàn Ngọc	Anh	4030B	17		7.42		90	1 750 000		1 750 000	Khá
906	403058	Phùng Thị Diễm	Hương	4030B	17		7.39		89	1 750 000		1 750 000	Khá
907	403059	Phạm Văn	Hùng	4030B	17		8.51		90	2 000 000		2 000 000	Giỏi
908	403060	Trần Hưng	Phúc	4030B	17		7.08		85	1 750 000		1 750 000	Khá
909	403061	Phạm Thị Minh	Phương	4030B	17		7.13		89	1 750 000		1 750 000	Khá
910	403062	Nguyễn Thị Bích	Hiền	4030B	17		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá
911	403064	Nguyễn Mỹ	Linh	4030B	17		7.12		66	1 750 000		1 750 000	Khá
912	403065	Phùng Linh	Trang	4030B	17		7.38		85	1 750 000		1 750 000	Khá
913	403066	Doãn Nhật	Linh	4030B	17		7.95		83	1 750 000		1 750 000	Khá
914	403067	Lê Kiều	Minh	4030B	17		7.72		85	1 750 000		1 750 000	Khá
915	403068	Nguyễn Khánh	Linh	4030B	17		7.91		87	1 750 000		1 750 000	Khá
916	403069	Lê Gia	Khánh	4030B	17		8.57		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
917	403071	Phan Khánh	Hà	4030B	17		7.68		85	1 750 000		1 750 000	Khá
918	403072	Trần Lê Thiên	Ngân	4030B	17		7.14		82	1 750 000		1 750 000	Khá
919	403073	Trịnh Huyền	My	4030B	17		7.38		81	1 750 000		1 750 000	Khá
920	403074	Phạm Hằng	Nga	4030B	14		8.16		91	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
921	403075	Phạm Phương	Anh	4030B	17		7.45		86	1 750 000		1 750 000	Khá
922	403076	Trần Hà	Ngân	4030B	14		7.80		90	1 750 000		1 750 000	Khá
923	403078	Vương Thị Ngọc	Mai	4030B	17		8.55		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
924	390160	Phan Kiều	Phương	CLC39A	18		8.26		79	1 750 000		1 750 000	Khá
925	390162	Trần Phương	Anh	CLC39A	18		7.78		75	1 750 000		1 750 000	Khá
926	390167	Nguyễn Diệu	Hà	CLC39A	18		7.82		84	1 750 000		1 750 000	Khá
927	390246	Nguyễn Thị Thu	Trang	CLC39A	18		7.72		84	1 750 000		1 750 000	Khá
928	390351	Nguyễn Thảo	Nguyên	CLC39A	18		7.73		84	1 750 000		1 750 000	Khá
929	390366	Nguyễn Quỳnh Anh	Thơ	CLC39A	18		8.02		78	1 750 000		1 750 000	Khá
930	390548	Mai Hải	Yến	CLC39A	15		7.71		82	1 750 000		1 750 000	Khá
931	390568	Ngô Đức	Minh	CLC39A	18		7.85		75	1 750 000		1 750 000	Khá
932	390665	Lại Nhật	Quang	CLC39A	18		7.81		86	1 750 000		1 750 000	Khá
933	390829	Chu Thị	Hương	CLC39A	18		7.82		82	1 750 000		1 750 000	Khá
934	390846	Trần Lê Thu	Trang	CLC39A	18		7.77		76	1 750 000		1 750 000	Khá
935	390847	Phạm Linh	Chi	CLC39A	18		8.19		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
936	390849	Hồ Khắc	Minh	CLC39A	18		7.83		80	1 750 000		1 750 000	Khá
937	390866	Nguyễn Phương	Mai	CLC39A	18		7.84		88	1 750 000		1 750 000	Khá
938	390952	Nguyễn Thị Thu	Hằng	CLC39A	16		7.81		74	1 750 000		1 750 000	Khá
939	391047	Lại Lệ	Thu	CLC39A	18		7.80		86	1 750 000		1 750 000	Khá
940	391254	Hứa Hải	Linh	CLC39A	18		7.80		92	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
941	391361	Nguyễn Phương Hiếu	CLC39A	18		7.86		82	1 750 000		1 750 000	Khá
942	391460	Nguyễn Kim Thanh	CLC39A	18		8.01		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
943	391562	Nguyễn Kim Thúy	CLC39A	18		7.74		86	1 750 000		1 750 000	Khá
944	392261	Trần Hương Giang	CLC39B	18		7.93		73	1 750 000		1 750 000	Khá
945	392305	Lê Thị Thuỳ Dung	CLC39B	18		7.79		76	1 750 000		1 750 000	Khá
946	392553	Lương Lê Minh	CLC39B	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
947	392556	Phạm Phương Thảo	CLC39B	18		7.91		71	1 750 000		1 750 000	Khá
948	392826	Nguyễn Thanh Hằng	CLC39B	18		8.08		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
949	392828	Nguyễn Thị Ngọc Liên	CLC39B	18		8.07		73	1 750 000		1 750 000	Khá
950	392860	Hoàng Thu Trang	CLC39B	16		7.83		85	1 750 000		1 750 000	Khá
951	392903	Đào Thị Thuỳ Linh	CLC39B	18		7.78		75	1 750 000		1 750 000	Khá
952	392951	Nguyễn Lê Hương Huyền	CLC39B	18		7.72		71	1 750 000		1 750 000	Khá
953	393013	Vũ Hương Giang	CLC39B	18		8.11		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
954	393041	Lê Quỳnh Trang	CLC39B	18		7.79		75	1 750 000		1 750 000	Khá
		Tổng							932 000 000	393 000 000	*** *** ***	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG